**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG VỀ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ**

**thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN lần thứ XIX**



Căn cứ các văn bản:

- Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX của Đảng bộ Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN;

- Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN giai đoạn 2020 – 2025 ban hành theo Quyết định số 1570/QĐ-ĐHNN ngày 08 tháng 7 năm 2019;

- Quyết định 2668/QĐ-ĐHNN ban hành ngày 28 tháng 10 năm 2019 về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức của giảng viên tại Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN;

- Quyết định số 2555/QĐ-ĐHNN ban hành ngày 28 tháng 10 năm 2019 về tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học – công nghệ ở Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN;

- Quy định ngày 24 tháng 8 năm 2016 về hoạt động của Quỹ phát triển khoa học – công nghệ cán bộ trẻ Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN; và

- các chủ trương, chính sách lớn của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,

Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN ban hành Kế hoạch hành động về khoa học – công nghệ này nhằm 6 mục tiêu sau:

1. **Mục tiêu**
2. Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ giảng viên nhằm hoàn thành tốt các nhiệm vụ nghiên cứu, đào tạo của Trường, đáp ứng nhu cầu của xã hội và đòi hỏi của hội nhập quốc tế.
3. Hoàn thiện cơ bản hệ thống qui định, thể chế đối với các hoạt động khoa học công nghệ, phát huy tiềm năng của đội ngũ cán bộ.
4. Tăng cường và đa dạng hóa các sản phẩm khoa học công nghệ chất lượng cao.
5. Tăng cường hợp tác, phối hợp trong các hoạt động khoa học công nghệ.
6. Đẩy mạnh việc thu hút đầu tư xây dựng, phát triển và chuyển giao đối với các đề tài, dự án khoa học công nghệ phục vụ các nhiệm vụ trọng điểm của đất nước và các địa phương.
7. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp của người học.

# **Chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Chỉ tiêu** | **Nhiệm vụ/Giải pháp** | **Sản phẩm** | **Lộ trình, thời gian thực hiện** | **Đơn vị đầu mối, phối hợp** |
| **1.Mục tiêu 1**Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ giảng viên nhằm hoàn thành tốt các nhiệm vụ nghiên cứu, đào tạo của Trường đáp ứng nhu cầu của xã hội và đòi hỏi của hội nhập quốc tế. | 1.1. Tổ chức ít nhất 5-6 buổi tọa đàm/ BDCM mỗi năm học | 1.1.1. Lập kế hoạch tọa đàm/BDCM cấp trường, mỗi năm học tổ chức ít nhất 5-6 buổi tọa đàm/BDCM, hướng dẫn NCKH, chia sẻ kinh nghiệm đăng bài, trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu, cập nhật thông tin nghiên cứu mới, khích lệ ý tưởng nghiên cứu. Tăng cường hiệu quả hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn của các khoa, bộ môn. | Kế hoạch tọa đàm/BDCM. | **Hàng năm** | Phòng KHCN, các khoa/bộ môn trực thuộc, các phòng ban, trung tâm có giảng viên; Trường THPT CNN và Trường THCS Ngoại ngữ |
| 1.2. Sau 5 năm có **05** nhóm nghiên cứu được thành lập và hoạt động | 1.2.1. Xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu liên khoa, liên cấp, giải quyết những vấn đề cấp thiết và các nhiệm vụ của Nhà trường, kết hợp nghiên cứu và đào tạo, đáp ứng nhu cầu đổi mới giảng dạy ở các cấp đào tạo và nhu cầu của xã hội. | (i) Kế hoạch hoạt động của các nhóm nghiên cứu.(ii) Sản phẩm khoa học của các nhóm nghiên cứu. | 2020-2025 |
| 1.2.2. Xây dựng và phát triển cộng đồng học thuật và NCKH với nòng cốt là giảng viên giảng dạy bậc đại học và sau đại học, thành viên là các giảng viên trẻ, nghiên cứu sinh và học viên cao học, tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy. | Kế hoạch của các cộng đồng học thuật và hoạt động chuyên môn. | Hàng năm |
| 1.2.3. Tăng cường giám sát, tư vấn, hỗ trợ theo hướng hai chiều (chiều dọc: trường – đơn vị – người nghiên cứu; chiều ngang: CLB nhà nghiên cứu, cộng đồng/nhóm nghiên cứu, hội đồng khoa học các khoa). |   Kế hoạch giám sát/tư vấn/hỗ trợ.  | Hàng năm |
| 1.2.4. Đổi mới phương thức thực hiện, tăng cường huy động tài chính và đầu tư. | Kế hoạch triển khai thực hiện theo phương thức mới với các hình thức hiệu quả huy động tài chính và đầu tư cho các nhóm nghiên cứu. | Năm 2021 |
| 1.3. Khung hỗ trợ đặc thù | 1.3.1. Xây dựng cơ chế chính sách tập trung hỗ trợ tối đa cho 3 nhóm đối tượng: + Các nhà khoa học đầu ngành, những nhân tố quan trọng cho sự phát triển của Nhà trường;+ Các nhà khoa học được giao những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường;+ Các nhà khoa học trẻ tài năng. |  Khung hỗ trợ đặc thù | Tháng12/2020 |
| 1.4. Phát triển Trung tâm Khảo thí của Trường thành một trung tâm xuất sắc (COE) và nhóm nghiên cứu mạnh, phát triển theo 03 định hướng (tổ chức hoạt động khảo thí, tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về năng lực khảo thí và nghiên cứu, chuyển giao tri thức về năng lực khảo thí ngoại ngữ). | 1.4.1. Thực hiện nghiên cứu chuyên sâu xây dựng bộ tiêu chuẩn và tiêu chí về Trung tâm xuất sắc COE trong lĩnh vực khảo thí và/hoặc khảo thí ngoại ngữ. | Bộ tiêu chuẩn và tiêu chí về một trung tâm xuất sắc COE trong lĩnh vực khảo thí và/hoặc khảo thí ngoại ngữ. | 12/2021 | Trung tâm Khảo thí |
| 1.4.2. Xây dựng kế hoạch chi tiết và thực hiện phát triển Trung tâm Khảo thí thành một trung tâm xuất sắc COE. | - Kế hoạch thực hiện chi tiết phát triển Trung tâm Khảo thí thành một trung tâm xuất sắc COE.- Các minh chứng đạt tiêu chuẩn, tiêu chí | 2022-2025 | Trung tâm Khảo thí |
| 1.4.3. Xây dựng đề án hình thành nhóm nghiên cứu mạnh về khảo thí | - Nhóm nghiên cứu mạnh về khảo thí được thành lập và có chương trình hoạt động chi tiết. | 12/2021 | Trung tâm Khảo thí |
| **2. Mục tiêu 2**Hoàn thiện cơ bản hệ thống qui định, thể chế đối với các hoạt động khoa học công nghệ, phát huy tiềm năng của đội ngũ cán bộ. | 2.1. 01 hệ thống số hóa các văn bản, biểu mẫu về hoạt động KHCN | 2.1.1. Rà soát hệ thống văn bản, qui định về NCKH, khảo sát ý kiến của các đối tượng liên quan. | Danh mục các văn bản về hoạt động KHCN, đưa vào kho dữ liệu số hóa. | Tháng 10/2020 | Phòng KHCN, TT ĐBCL, các khoa//bộ môn trực thuộc và các đơn vị liên quan |
| 2.1.2. Bổ sung, điều chỉnh Qui định về quản lý hoạt động KHCN trong Trường ĐHNN – ĐHQGHN, tăng cường vai trò của Hội đồng khoa học khoa, tăng cường vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ chuyên trách KHCN các đơn vị. | Qui định về nhiệm vụ NCKH và chuyển giao tri thức của giảng viên Trường ĐHNN-ĐHQGHN đã được bổ sung, điều chỉnh. | Tháng 9/2020 |
| 2.2. Tăng cường truyền thông về hoạt động NCKH và các qui định, thể chế, qui trình. | 2.3.1. Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức giới thiệu thông tin về các sản phẩm, các nghiên cứu tiêu biểu cũng như các qui định, thể chế, qui trình cho các hoạt động NCKH. | Clip, posters giới thiệu. | Hàng năm | Phòng KHCN, TTCNTT TT&HL, Phòng HSSV |
| **3. Mục tiêu 3** Tăng cường và đa dạng các sản phẩm khoa học công nghệ có chất lượng cao. | 3.1.Số lượng các công bố quốc tế có chất lượng cao tăng 10% mỗi năm.3.2 Công bố 120 bài báo trong nước/năm; 40 bài báo quốc tế trong đó có từ 15 bài thuộc hệ thống ISI và SCOPUS/năm trở lên. Xuất bản 7 - 10 sách chuyên khảo/ năm. Mỗi năm tối thiểu 120 lượt cán bộ, giảng viên, nhà khoa học của Trường tham gia các hội nghị khoa học quốc tế. | 3.1.1. Đặt hàng sản phẩm khoa học theo định hướng phát triển của Trường, của ĐHQGHN và Bộ GDĐT, tập trung vào các hạng mục ưu tiên phục vụ đào tạo đại học và sau đại học. | (i) Danh mục các hạng mục ưu tiên, các hướng biên soạn sách chuyên khảo đáp ứng yêu cầu đào tạo đại học và sau đại học.(ii) Danh mục các sản phẩm KHCN và tác giả.  | Hàng năm | Phòng KHCN, P. Đào tạo, Khoa SĐH, các nhà khoa học |
| 3.1.2. Tăng cường tham gia các đề tài, dự án, các hoạt động nghiên cứu được các tổ chức, các quĩ tài trợ, hỗ trợ. | - Danh mục và tài liệu của các tổ chức, các quĩ liên quan. | Hàng năm | Phòng KHCN, Hội đồng KH&ĐT, các nhà khoa học |
| 3.1.3.Hội đồng khoa học các khoa tích cực hỗ trợ cán bộ giảng viên trong đơn vị và trong Trường về thông tin và cách tiếp cận các tổ chức, các quĩ. |
| 3.2. Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài lọt vào danh mục tạp chí đạt chuẩn ASEAN Citation Index (ACI) vào năm 2025. | 3.2.1. Đẩy mạnh truyền thông, thu hút bài đăng từ các nhà khoa học trong nước và quốc tế. Hướng đến các tác giả đăng bài trong mỗi số xuất bản có sự đa dạng về địa lý.3.2.2. Gửi thư mời trực tiếp một số chuyên gia quốc tế có quan hệ với trường/các khoa/các chuyên gia của trường viết bài, hoặc hợp tác với cán bộ của trường làm nghiên cứu và viết bài.3.2.3. Gửi thư mời viết bài định kì (3 tháng/ lần) tới các đơn vị và cá nhân có tiềm năng trong và ngoài trường, trong nước và quốc tế.  | Mỗi năm ra 6 số đảm bảo tiến độ và có chất lượng, trong đó 4 số bằng tiếng Anh và 2 số bằng tiếng Việt. | Thường kỳ | Tạp chí NCNN, Phòng KHCN |
| **4. Mục tiêu 4**Tăng cường hợp tác, phối hợp trong các hoạt động khoa học công nghệ. | 4.1. 01 hội thảo quốc gia, 01 hội thảo quốc tế và 01 hội thảo chuyên ngành hàng năm | 4.1.1. Hợp tác, phối hợp tổ chức 01 Hội thảo quốc gia (UNC) /năm theo hình thức trực tuyến. | (i) Kỷ yếu toàn văn báo cáo có phản biện tối thiểu 60 bài, trong đó có ít nhất 40 bài của cán bộ ULIS(ii) 100% giảng viên ULIS tham dự(iii) 100% các bài trình bày tại hội thảo được ghi lại dưới dạng số hóa | Theo kế hoạch tổ chức cụ thể | Phòng KHCN, toàn Trường |
| 4.1.2. Hợp tác phối hợp tổ chức 01 Hội thảo quốc tế dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh (IGRS)/năm | (i) Kỷ yếu toàn văn báo cáo có phản biện, tối thiểu 70 bài (ii) Ít nhất 280 học viên cao học và nghiên cứu sinh tham dự | Phòng KHCN, Khoa SĐH |
| 4.1.3. Hợp tác phối hợp tổ chức 01 Hội thảo chuyên ngành/năm | (i) Kỷ yếu toàn văn báo cáo có phản biện, tối thiểu 35 bài (ii) 100% giảng viên và cán bộ nghiên cứu của ULIS có chuyên ngành phù hợp tham dự | Phòng KHCN |
| 4.1.4. Số hóa toàn phần hệ thống quản lý hội thảo trực tiếp/trực tuyến | Phần mềm quản lý hội thảo tiên tiến | 31/5/2021 | Phòng KHCN |
| 4.2. 02 đề tài/ chương trình/ hoạt động hợp tác phối hợp với các đơn vị trong nước và quốc tế hàng năm | 4.2.1. Liên kết với các đối tác (FPT Soft, iCorrect Solutions,…) để đầu tư nghiên cứu, chế tạo sản phẩm công nghệ cao nhằm tạo ra những sản phẩm cụ thể, phục vụ nhu cầu cụ thể của người dùng ngoại ngữ, như: + Các phần mềm dạy-học ngoại ngữ;+ Các mô hình học ngoại ngữ mọi lúc mọi nơi;+ Ứng dụng điện thoại học ngoại ngữ và kiểm tra đánh giá (từ điển, các ứng dụng luyện thi chứng chỉ VSTEP, IELTS, ứng dụng luyện thi kỹ năng nói mô phỏng giám khảo,…);+ Các thiết bị học tập ngoại ngữ thông minh (bút học phát âm, máy học phiên dịch cầm tay,…).4.2.2. Xây dựng các nhóm phát triển hợp tác từ các khoa. 4.2.3. Cải tiến cơ chế khích lệ đối với đơn vị cá nhân tích cực và hiệu quả trong công tác kết nối. | - Phần mềm dạy-học ngoại ngữ; mô hình học ngoại ngữ; ứng dụng điện thoại; thiết bị học tập ngoại ngữ.- Các chương trình, đề án hợp tác | 2020 - 2025 | Phòng KHCN, P. KHTC, Trung tâm CNTT-TT-HL, Khoa ĐTBD, Phòng HTPT, Hội đồng khoa học các đơn vị, các nhà khoa học trong trường và ngoài trường, và các đơn vị liên quan. |
|  | 4.3. 01 phòng thí nghiệm quốc gia nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, ngoại ngữ. | 4.3.1. Khảo sát nhu cầu, hiện trạng, điều kiện và lập kế hoạch xây dựng phòng thí nghiệm quốc gia nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, ngoại ngữ. | Kế hoạch xây dựng phòng thí nghiệm quốc gia | 2021 | Phòng KHCN, TTCNTT TT&HL, Phòng KHTC |
| **5.Mục tiêu 5**Đẩy mạnh việc thu hút đầu tư xây dựng, phát triển và chuyển giao đối với các đề tài, dự án khoa học công nghệ phục vụ các nhiệm vụ trọng điểm của đất nước và các địa phương. | * 1. 02 đề tài/chương trình/hoạt động hợp tác mỗi năm
 | * + 1. Nghiên cứu nhu cầu và quan tâm của các đối tác trong nước và quốc tế để thiết kế các dự án nghiên cứu khoa học có đầu tư của đối tác. Xác định và xây dựng đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ để chuyển giao dựa trên nhu cầu thực tiễn theo quan điểm ‘có địa chỉ’ và dựa trên nghiên cứu khả thi có qui mô phù hợp.
		2. Xây dựng cơ chế đối tác song phương hoặc đa phương trong đầu tư cho các dự án nghiên cứu khoa học công nghệ nhằm chuyển giao.
 | (i) Các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ ‘có địa chỉ’.(ii) Các đề tài nghiên cứu khoa học có vốn đầu tư từ các đối tác trong nước và/hoặc quốc tế.(iii) Cơ chế đối tác đầu tư. | Hàng năm | P KHCN và các đơn vị liên quan |
| * 1. 1 nhóm chuyên trách thiết kế và hỗ trợ xây dựng đề tài
 | * + 1. Lập danh mục và tập hợp thông tin về các quỹ quốc gia và quốc tế dành cho khoa học công nghệ.
 | - Danh mục các quỹ quốc gia và quốc tế kèm theo các thông tin chi tiết có liên quan | Tháng 1 hàng năm | P KHCN |
| * + 1. Thành lập 1 nhóm chuyên trách thiết kế và hỗ trợ xây dựng đề án, dự án nghiên cứu để giành các quỹ quốc gia và quốc tế.
 | Nhóm chuyên trách được thành lập và hoạt động hiệu quả | Tháng 3/2021 | P KHCN |
| **6. Mục tiêu 6** Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ đối với người học. | 6.1. 15% sinh viên có các sản phẩm khoa học công nghệ. 30% học viên cao học có sản phẩm công bố. | 6.1.1. Nâng cao hiệu quả hoạt động đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp của sinh viên và các hoạt động liên quan. 6.1.2. Tích cực hỗ trợ học viên cao học công bố bài báo trước và sau khi bảo vệ luận văn.6.1.3. Khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh THCS và THPT tham gia các hoạt động của Đề án FIRE. | (i) Đề án Nâng cao hiệu quả hoạt động đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp của sinh viên (Đề án FIRE).(ii) Sản phẩm công bố của học viên cao học. | Hàng năm | Đoàn TNHội SVP. KHCNKhoa SĐH |

Trên đây là toàn bộ kế hoạch và logframe thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN lần thứ XIX về khoa học – công nghệ giai đoạn 2020 – 2025. Yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện.

**Đánh giá việc thực hiện Kế hoạch**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Chỉ tiêu** | **Sản phẩm** | **Thực hiện (đến hết tháng 5/2021)** |
| 1. Nâng cao năng lực nghiên cứu | 1.1. 5-6 buổi tọa đàm/BDCM mỗi năm học | Kế hoạch tọa đàm/ BDCM | 1. Cấp trường:Đã tổ chức 06 buổi tọa đàm/ bồi dưỡng chuyên môn, cụ thể: - 03 buổi về "hướng dẫn công tác biên tập, thẩm định bài viết tham dự hội thảo" (từ tháng 12.2020 - tháng 01.2021) dành cho cán bộ trong trường;- 03 tọa đàm (01. Phương pháp nghiên cứu hành động: 17.01.2021; 02. Các công cụ dạy học ngoại ngữ: 07.3.2021; 03. Thấu cảm, yêu thương và truyền cảm hứng: 30.5.2021) dành cho cán bộ trong và ngoài trường.2. Cấp khoa: Đã tổ chức 36 buổi BDCM cấp khoa. Cụ thể: - 24 buổi online- 12 buổi offline |
| 5 nhóm | (i) Kế hoạch hoạt động của các nhóm nghiên cứu.(ii) Sản phẩm khoa học của các nhóm nghiên cứu. | **4 nhóm**: Nhóm khảo thí, nhóm BPD, nhóm Quốc tế học, nhóm PPGD – đã chính thức có QĐ thành lập nhóm BPD và nhóm PPGD, nhưng cả 4 nhóm đều đang có hoạt động cụ thể.**Sản phẩm:** Khung năng lực BPD đang được xây dựng + đề tài; chuyên ngành Văn hóa và Truyền thông xuyên quốc gia đang được xây dựng.  |
|  | Kế hoạch của các cộng đồng học thuật và hoạt động chuyên môn. | - Đã thành lập mạng lưới kết nối giáo viên ngoại ngữ toàn quốcULIS Connect;- Đã thành lập CLB NCKH SV và có kế hoạch hoạt động hàng năm. |
|  | Kế hoạch giám sát/tư vấn/hỗ trợ.  | Chưa thực hiện được. |
|  | Kế hoạch triển khai thực hiện theo phương thức mới với các hình thức hiệu quả huy động tài chính và đầu tư cho các nhóm nghiên cứu. | Chưa thực hiện được. |
| 1.3. Khung hỗ trợ đặc thù | Khung hỗ trợ đặc thù | Chưa có. Sẽ triển khai xây dựng trong năm học 2021-2022. |
| 1.4. Trung tâm Khảo thí | Bộ tiêu chuẩn và tiêu chí về một trung tâm xuất sắc COE trong lĩnh vực khảo thí và/hoặc khảo thí ngoại ngữ. | Trung tâm Khảo thí đã xây dựng bộ tiêu chuẩn và tiêu chí về một trung tâm xuất sắc (COE) trong lĩnh vực khảo thí ngoại ngữ dựa trên nghiên cứu khảo sát các bộ tiêu chuẩn và tiêu chí có liên quan đến các chức năng, nhiệm vụ của trung tâm và lĩnh vực khảo thí và khảo thí ngoại ngữ hiện có trong nước và trên thế giới, kết hợp với việc nghiên cứu nhu cầu thực tế của đơn vị, nhà trường, ngành và lĩnh vực khảo thí ngoại ngữ của xã hội. Tính đến tháng 6/2021, dự thảo Bộ tiêu chuẩn và tiêu chí đã hoàn thành và đã được chỉnh sửa lần 2 sau khi lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia. |
|  | - Kế hoạch thực hiện chi tiết phát triển Trung tâm Khảo thí thành một trung tâm xuất sắc COE.- Các minh chứng đạt tiêu chuẩn, tiêu chí | Trung tâm Khảo thí triển khai song song hai nhiệm vụ nhằm thực hiện mục tiêu phát triển trung tâm theo định hướng một trung tâm xuất sắc: 1. Thực hiện các giải pháp Đảm bảo chất lượng:
* Hoàn thiện hệ thống các văn bản, qui định về qui trình thực hiện hoạt động các chức năng, nhiệm vụ của trung tâm (bao gồm qui trình tổ chức các kỳ thi chuẩn hoá;
* Hoàn thiện hệ thống các biểu mẫu sử dụng trong các kỳ thi chuẩn hoá đánh giá và cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ và các kỳ thi tuyển sinh;
* Giao nhiệm vụ cho 01 cán bộ chuyên trách thực hiện pháp chế nội bộ thực hiện việc giám sát thường xuyên và định kỳ theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và qui định đảm bảo chất lượng;
* Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn cho toàn bộ đội ngũ cán bộ và cơ cấu nhân sự theo các nhóm chuyên trách theo các mảng công việc, cấu trúc nhân sự đa tầng nhằm đảm bảo có sự giám sát nội bộ và gán trách nhiệm theo mô tả công việc rõ ràng;
1. Xây dựng bộ tiêu chuẩn, tiêu chí khoa học, cập nhật về một trung tâm xuất sắc trong lĩnh vực khảo thí ngoại ngữ. Thực hiện thử nghiệm bộ tiêu chuẩn, tiêu chí này trong quý 3 và 4 năm 2021, với mục tiêu là trước hết rà soát hiện trạng của Trung tâm theo các tiêu chuẩn, tiêu chí đó. Từ năm 2022, Trung tâm sẽ xây dựng các giải pháp cho những vấn đề gắn với các tiêu chuẩn, tiêu chí chưa đạt được.
 |
|  |  | - Nhóm nghiên cứu mạnh về khảo thí được thành lập và có chương trình hoạt động chi tiết. | Nhóm nghiên cứu mạnh về khảo thí chưa được chính thức thành lập. Tuy nhiên, Trung tâm Khảo thí đã thành lập Tổ Nghiên cứu và Phát triển Khảo thí do Giám đốc trung tâm làm tổ trưởng, xây dựng kế hoạch thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu về khảo thí và là đầu mối triển khai các nghiên cứu này, phối hợp với các cá nhân và đơn vị có liên quan như các khoa đào tạo, các trường phổ thông trực thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ. Kết quả là toàn bộ cán bộ chuyên môn của Trung tâm Khảo thí đều có số giờ nghiên cứu Khoa học – Công nghệ trên 1000 giờ. Trong thời gian tới, Trung tâm cần phát huy vai trò là đầu mối trong hoạt động nghiên cứu và phát triển về khảo thí và khảo thí ngoại ngữ. Cần có kế hoạch trung hạn và dài hạn chi tiết để phát triển nhóm nghiên cứu về khảo thí, nhằm hướng tới đạt mục tiêu phát triển nhóm nghiên cứu mạnh về khảo thí. |
| 2. Hệ thống quy định, thể chế | Hệ thống số hóa | Danh mục các văn bản về hoạt động KHCN, đưa vào kho dữ liệu số hóa. | Số hóa 05 văn bản liên quan đến giờ khoa học của cán bộ qua form cognito: 2668, 1628, 1255, 1551, 680..., đồng thời đã lấy ý kiến phản hồi của cá nhân và đơn vị đối với các văn bản này. |
|  | Quy định sửa đổi | Điều chỉnh Qui định về giờ khoa học: quy đồi giờ giảng dạy sang giờ khoa học theo Quyết định số 1628 (Trong trường hợp giảng viên dạy vượt giờ chuẩn nhưng chưa đủ giờ NCKH để hoàn thành nhiệm vụ NCKH, giảng viên được phép bù giờ chuẩn giảng dạy sang giờ NCKH với tỷ lệ 01 giờ chuẩn giảng dạy bằng 02 giờ NCKH và chỉ được phép quy đổi tối đa 25% định mức giờ NCKH/1 năm học.) |
| Truyền thông | Clips, posters | - Clip truyền thông về Top giảng viên có thành tích xuất sắc trong NCKH năm học 2019-2020,  - Poster truyền thông về các Quy định 2555 và 2668.- Poster hướng dẫn kê khai giờ khoa học cho cán bộ,- Đang xây dựng các poster, clip giới thiệu những gương mặt xuất sắc trong NCKH năm học 2020-2021. |
| 3.Sản phẩm | Số lượng | (i) Danh mục các hạng mục ưu tiên, các hướng biên soạn sách chuyên khảo đáp ứng yêu cầu đào tạo đại học và sau đại học.(ii) Danh mục các sản phẩm KHCN và tác giả.  | Danh mục các sản phẩm KHCN và các tác giả:**https://drive.google.com/file/d/1xL7rQivaRzQLrzycPN9sdZI7pyTX\_oL6/view?usp=sharing** |
|  | - Danh mục và tài liệu của các tổ chức, các quĩ liên quan. | - Khoa Hàn thực hiện chương trình phát triển Hàn Quốc học với HQ; - Thầy Lâm Quang Đông và cô Phan Thị Huyền Trang (Bm NN và VHVN) phối hợp với NAFOSTED + Thụy Sĩ; và Úc sẽ thực hiện 02 đề tài nghiên cứu chung sau khi được cấp kinh phí. |
|  | Hội đồng KH các khoa | Hội đồng khoa học các khoa bao gồm các thành viên theo qui định của Trường, họp định kì mỗi năm 02 lần; ngoài ra còn có các cuộc họp đột xuất để trao đổi bàn bạc kế hoạch thực hiện nhiệm vụ mới của Trường. - Hội đồng khoa học thường xuyên trao đổi phương án thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ giảng dạy, bồi dưỡng chuyên môn theo trọng tâm bồi dưỡng của Trường. Trong năm học 2020 -2021, các khoa chú trọng về bồi dưỡng nâng cao năng lực công nghệ thông tin, xây dựng tài liệu, học liệu số. - Góp ý, nhận xét hồ sơ đăng kí đề tài nghiên cứu khoa học các cấp của cán bộ giảng dạy. - Trao đổi phương thức hợp tác nghiên cứu quốc tế.- Một số vấn đề liên quan khác  |
| Tạp chí |  | - Số lượng các tác giả trong trường đã đăng bài: 64 người (chiếm 48% tổng số tác giả có bài đăng).- Số lượng các tác giả ngoài trường, trong nước đã đăng bài: 58 người (chiếm 44% tổng số tác giả có bài đăng).- Số lượng các tác giả có đơn vị chủ quản ở nước ngoài (bao gồm cả người Việt và người nước ngoài) đã đăng bài: 11 người (chiếm 8% tổng số tác giả có bài đăng).- Số lượng các tác giả có đơn vị chủ quản ở nước ngoài đang chỉnh sửa bài: 2 người.- Số lượng các tác giả có đơn vị chủ quản ở nước ngoài đã bị từ chối bài: 3 người.- Các tác giả có đơn vị chủ quản ở nước ngoài thuộc 10 quốc gia: Anh, Nhật Bản, Trung Quốc, New Zealand, Đài Loan, Indonesia, Úc, Ấn Độ, Thái Lan, Triều Tiên. Số lượng các bài đăng tạp chí của cán bộ: 17 bài báo đăng tạp chí thuộc hệ thống ISI/Scopus; 19 bài đăng tạp chí nước ngoài có uy tín; 219 bài viết đăng tạp chí trong nước; 03 bài viết đăng toàn văn của HTQT tổ chức ở nước ngoài; 82 bài viết đăng toàn văn HTQT tổ chức trong nước; 167 bài viết đăng toàn văn hội thảo quốc gia tổ chức trong nước, 172 báo cáo đăng tóm tắt hội thảo quốc tế, 125 báo cáo đăng tóm tắt hội thảo quốc gia. Ngoài ra, có 05 chương sách xuất bản nước ngoài; 01 bài viết trong sách 1chuyên khảo xuất bản nước ngoài; 15 bài viết trong sách chuyên khảo xuất bản trong nước. |
| 4. Hợp tác |  | (i) Kỷ yếu toàn văn báo cáo có phản biện tối thiểu 60 bài, trong đó có ít nhất 40 bài của cán bộ ULIS(ii) 100% giảng viên ULIS tham dự(iii) 100% các bài trình bày tại hội thảo được ghi lại dưới dạng số hóa | UNC2021 – đạt và vượt chỉ tiêu. Cụ thể:5372 người đăng ký; 3514 đại biểu tham dự, trong đó có 2574 ULISers (gồm 647 cán bộ giảng viên, 1572 sinh viên và 355 học viên); có 940 giảng viên, giáo viên ngoại ngữ các cấp, các bậc học trên toàn quốc; 03 báo cáo toàn thể; 30 tiểu ban song song; 358 báo cáo trình bày; 457 bài tóm tắt; 80 bài in kỷ yếu toàn văn; và 170 bài toàn văn điện tử; 100% các bài trình bày tại hội thảo được ghi lại dưới dạng số hóa. |
|  | (i) Kỷ yếu toàn văn báo cáo có phản biện, tối thiểu 70 bài (ii) Ít nhất 280 học viên cao học và nghiên cứu sinh tham dự | 80 bài in kỷ yếu toàn văn và 170 bài toàn văn điện tử.157 báo cáo viên (30 quốc tế), 152 bài đăng kỷ yếu, 390 người tham dự hội thảo quốc tế IGRS2020. |
|  | (i) Kỷ yếu toàn văn báo cáo có phản biện, tối thiểu 35 bài (ii) 100% giảng viên và cán bộ nghiên cứu của ULIS có chuyên ngành phù hợp tham dự | Hội thảo Biên phiên dịch UCIT2020 đã có 361 đại biểu tham gia, được tổ chức thành công bằng hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến qua nền tảng công nghệ Zoom. Đặc biệt đã áp dụng kỹ thuật dịch trực tiếp qua Zoom (2 và 3 ngôn ngữ song song).02 báo cáo phiên toàn thể, 60 báo cáo trình bày ở 12 tiểu ban song song và 03 tọa đàm tổ chức trực tiếp được tổ chức hoành tráng, quy mô, trang trọng, được đánh giá rất cao từ người quan tâm và đại biểu tham dự.Kỷ yếu toàn văn gồm 80 báo cáo chất lượng cao xuất bản vào tháng 12.2020 của NXB ĐHQGHN. |
|  | Phần mềm quản lý hội thảo tiên tiến | Tiếp tục sử dụng phần mềm ocs.ulis.vnu.edu.vn để thu nhận bài tham gia hội thảo UCIT2020 và UNC2021.Sử dụng form cognito trong việc đăng ký, gửi thư mời, gửi thư phản hồi và giấy chứng nhận tham dự hội thảo. |
|  | - Phần mềm dạy-học ngoại ngữ; mô hình học ngoại ngữ; ứng dụng điện thoại; thiết bị học tập ngoại ngữ.- Các chương trình, đề án hợp tác | Đang phối hợp cùng Bộ môn Ả Rập và ĐSQ Ả Rập để xây dựng ứng dụng điện thoại Từ điển tiếng Ả Rập.Chưa có. |
|  | Phòng thí nghiệm quốc gia | Kế hoạch xây dựng phòng thí nghiệm quốc gia | Chưa thực hiện được.  |
| 5. Đầu tư, chuyển giao |  | (i) Các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ ‘có địa chỉ’.(ii) Các đề tài nghiên cứu khoa học có vốn đầu tư từ các đối tác trong nước và/hoặc quốc tế.(iii) Cơ chế đối tác đầu tư. | Năm học 2020-2021 chưa có đề tài nào lớn có vốn đầu tư từ các đối tác, ngoài hợp đồng tư vấn ngoại ngữ cho tỉnh Quảng Ninh và một vài hợp đồng nghiên cứu nhỏ với một số cá nhân.  |
|  | - Danh mục các quỹ quốc gia và quốc tế kèm theo các thông tin chi tiết có liên quan | Chưa lập được danh mục.  |
|  | Nhóm chuyên trách được thành lập và hoạt động hiệu quả | Nhóm chưa được thành lập. Khó khăn: chưa có cơ chế chính sách phù hợp cho hoạt động của nhóm Giải pháp: xây dựng cơ chế chính sách cho hoạt động của nhóm |
| 1. NCKH của người học
 | 15% SV30% HV cao học | (i) Đề án Nâng cao hiệu quả hoạt động đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp của sinh viên (Đề án FIRE).(ii) Sản phẩm công bố của học viên cao học. | FIRE đang được triển khai hiệu quả. Hiện nay số lượng học viên cao học là 623; nghiên cứu sinh là 59, tổng số học viên toàn Khoa là 682.Học viên cao học trong năm học 2020 -2021 chủ yếu có 3 kênh đăng bài như sau: - Đăng bài trong kỉ yếu hội thảo khoa học quốc tế dành cho HVCH và NCS (2021 GRS), tổng số 26 báo cáo. - Đăng kỉ yếu hội thảo quốc tế Diễn đàn lần thứ 10 về nghiên cứu và giảng dạy tiếng Hán Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương dành cho HVCH và NCS, tổng số 05 báo cáo.- Đăng trên kỉ yếu hội thảo quốc gia UNC2021 của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, tổng số tham gia là 506 học viên (số bài năm trong hệ thống của UNC2021 của Trường).Chưa đạt chỉ tiêu 15% SV và 30% HV cao học. |